

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo
2. Bà Lê Thị Thu Trà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 808/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 600/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 835/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1991

CCCD số: 094091003691 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 24/4/2023.

Địa chỉ: Ấp 6, xã Đ, Thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh Th, sinh ngày 01/5/1981

Căn cước số: 072181001765 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/10/2018.

Địa chỉ: 155/4 đường K, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 07/5/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Trần Thị Thanh Th tự nguyện kết hôn năm 2018, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà ông tại ấp 6, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp 6, xã B, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, từ ngày 10/02/2021 đến nay bà Th bế con nhỏ đi khỏi nhà, ông cũng cố gắng liên lạc nhưng không được. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà Th.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trọng Th1, sinh ngày 29/3/2017 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 09/01/2020. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T1, giao trẻ Y cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập cho bà Th để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Thúy đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông T, bà Th vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn, do bà Th cư trú tại phường Tân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông T có đơn xin vắng mặt. Bị đơn – bà Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Thương, bà Thúy theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao Trích lục kết hôn số: 1.347/TLKH-BS ngày 14/8/2018 của UBND xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã Đ, Thành phố Cần Thơ) thì ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Thanh Th đã đăng ký kết hôn ngày 14/8/2018. Căn cứ quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Th được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà Th do quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, từ năm 2021 đến nay đã ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bà Th đã không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án chứng tỏ bà Th không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn của ông T, bà Th là trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, cho ông T được ly hôn bà Th để hai bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về quan hệ con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 755 do UBND xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 14/8/2018 và bản sao Giấy khai sinh số: 7154 do UBND xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/3/2020 thì trẻ Nguyễn Trọng Th1, sinh ngày 29/3/2017 và trẻ Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 09/01/2020 là con chung của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Thanh Th. Ông T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Th1, giao trẻ Y cho bà Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Trẻ Th1 đang được ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trẻ Y là trẻ gái, bà Th đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên để ổn định sinh hoạt, học hành của trẻ Th1, trẻ Y và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Th1 là được ở với bố nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, quyết định giao trẻ Th1 cho ông T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao trẻ Y cho bà Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T đề nghị không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con do ông T đang trực tiếp nuôi trẻ Th1, bà Th đang trực tiếp nuôi trẻ Y. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của ông T phù hợp thực tế cuộc sống hôn nhân của ông T, bà Th nên chấp nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết, nếu sau này bà Th có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[8] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ông T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được căn trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 9, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn T.

a. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Thương được ly hôn bà Trần Thị Thanh Thúy.

b. Về quan hệ con chung: Giao trẻ Nguyễn Trọng Th1, sinh ngày 29/3/2017 cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Trọng Th1 đối với bà Trần Thị Thanh T.

Giao trẻ Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 09/01/2020 cho bà Trần Thị Thanh Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Ngọc Như Y đối với ông Nguyễn Văn T.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Sau này nếu bà Trần Thị Thanh Thúy có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Văn T chịu, được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001342 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Cần Thơ).

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Thanh Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4 - Tp.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Hương